

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2021/HS-ST
Ngày: 25 - 3 - 2021

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn An

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Được và Ông Đỗ Văn Chân

-Thư ký phiên tòa: Ông Đào Hùng Thái - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Đồng Xoài

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài tham gia phiên tòa:
Ông Nông Quang Chung - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 3 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 162/2020/TLST-HS ngày 30 tháng 12 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2021/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 3 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Trịnh Văn P, sinh năm 1992 tại Bình Phước; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú ấp 01, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Trịnh Văn D (đã chết) và bà Đinh Thị H, sinh năm 1972; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không

Về nhân thân: Ngày 14/6/2013, bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước xử phạt 09 (chín) tháng 06 (sáu) ngày tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” (Tại Bản án số 32/2013HSST ngày 14/6/2013)

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/10/2020 cho đến nay “bị cáo có mặt”

2. Đoàn Văn S, sinh ngày 10/12/2002 tại Bình Phước; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú khu phố P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Đoàn Văn T, sinh năm 1982 và bà Lê Thị Kim H, sinh năm 1984; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/10/2020 cho đến nay “bị cáo có mặt”

Người bào chữa cho bị cáo Đoàn Văn S: Bà Vũ Thị Hải A - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bình Phước thuộc Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước.

Người bị hại:

Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1983; cư trú tại địa chỉ khu phố X, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước “có mặt”

Anh Nguyễn Lê Nhật H, sinh năm 2002; cư trú tại địa chỉ khu phố P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước “vắng mặt”

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Phan Thị Mỹ L, sinh năm 1972; cư trú tại địa chỉ khu phố T, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước “có đơn xin vắng mặt”

Chị Nguyễn Thị Hoàng A, sinh năm 1991; cư trú tại địa chỉ khu phố P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước “có mặt”

Chị Đồng Thị Ngọc Y, sinh năm 1996; cư trú tại địa chỉ ấp C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Phước “vắng mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 26/6/2020 đến ngày 20/10/2020, Đoàn Văn S, sinh ngày 10/12/2002 thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản và Trịnh Văn P thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản. Cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất: Khoảng 16 giờ ngày 26/6/2020, Đoàn Văn S đi bộ đến khu vực khu phố X, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước thì phát hiện nhà chị Nguyễn Thị H mở cửa, trong nhà không có người trông coi nên nảy sinh ý định vào trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài. Sang đi vào nhà lấy trộm 01 cặp lục bình bằng gỗ trắc; 01 con cóc bằng gỗ xá xí; 01 quả cầu bằng đá màu xanh rồi đem về cất giấu tại bụi cỏ bên hông dãy nhà trọ tại phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước. Đến khoảng 08 giờ ngày 27/6/2020, S đem số tài sản lấy trộm được của chị H đến tiệm game bắn cá 10K thuộc phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước, cầm cố cho chị Phan Thị Mỹ L được số tiền 900.000 đồng và chơi game bắn cá hết.

Ngày 27/6/2020, Đoàn Văn S đến Công an phường T, thành phố Đ đầu thú .

Ngày 13/7/2020, Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng Hình sự có bản Kết luận định giá tài sản số 118/KLĐG kết luận: 01 cặp lục bình bằng gỗ trắc trị giá 1.600.000 đồng; 01 con cóc bằng gỗ xá xí trị giá 600.000 đồng; 01 quả cầu bằng đá màu xanh trị giá 150.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 2.350.000 đồng.

- Lần thứ hai: Khoảng 04 giờ 30 phút ngày 20/10/2020, Đoàn Văn S và Trịnh Văn P đến tiệm internet “Kính Dom 702” thuộc khu phố T, phường T, thành phố Đ, để chơi game. P ngồi ở máy kế bên chỗ anh Nguyễn Lê Nhật H (đang ngủ nguc trên bàn) còn S ngồi ở máy cạnh P. Chơi game được một lúc thì P phát hiện trong túi quần của anh H có 01 điện thoại di động nên P chỉ cho S biết nhằm mục đích rủ S lấy trộm tài sản của anh H. S đổi chỗ cho P đến ngồi sát với chỗ anh H rồi dùng tay trái móc vào túi quần bên phải anh H lấy 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro Max 64GB màu xanh rêu bên ngoài có

01 ốp lưng bằng nhựa. Sau khi lấy trộm được điện thoại của anh H, S luồn qua gầm bàn đưa cho P cất giấu rồi cùng P đi ra khỏi tiệm internet “King Dom 702”. P bấm mở khóa điện thoại nhưng không được nên đưa điện thoại cho S cất giữ. Sau đó, P và S đón taxi đến nhà của Đồng Thị Ngọc Y tại ấp C, xã Đ, huyện Đ. Tại đây, S ở lại nhà Y còn P đi đến tiệm game bắn cá tại ngã ba Hùng V chơi game. Sang nhờ Y chở đến tiệm điện thoại Minh Q thuộc khu phố P, phường T, thành phố Đ và bán chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro Max 64GB cho chị Nguyễn Thị Hoàng A được số tiền 5.500.000 đồng. Số tiền bán điện thoại, S đưa cho Tô 1.000.000 đồng nhờ T đưa cho P còn lại S tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 21/10/2020, Trịnh Văn P và Đoàn Văn S đến Công an thành phố Đ đầu thú.

Ngày 27/10/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự có bản kết luận định giá tài sản số 178/KLĐG kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro Max 64Gb đã qua sử dụng, còn hoạt động bình thường, trị giá 17.000.000 đồng.

Ngày 12/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự có văn bản số 192 về việc xác định giá trị tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: Qua xem xét thực tế tài sản, trên thị trường tại thời điểm khảo sát giá không giao dịch mua bán ốp lưng điện thoại di động bằng nhựa đã qua sử dụng. Do đó, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Đ không có cơ sở chính xác để định giá tài sản nói trên.

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ đã thu giữ: 01 cặp lục bình bằng gỗ trắc; 01 con cóc bằng gỗ xá xị; 01 quả cầu bằng đá màu xanh và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro Max 64Gb.

Ngày 04/10/2020 và ngày 10/11/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ ra quyết định xử lý vật chứng số 14, 23 trả lại 01 cặp lục bình bằng gỗ trắc; 01 con cóc bằng gỗ xá xị; 01 quả cầu bằng đá màu xanh cho chị Nguyễn Thị H và trả 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro Max 64Gb cho anh Nguyễn Lê Nhật H.

Tại bản cáo trạng số 09/CT-VKS ngày 29/12/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ đã truy tố bị cáo Đoàn Văn S và Trịnh Văn P về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50; Điều 58; Điều 91, Điều 101 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Đoàn Văn S mức án tù từ 09 đến 12 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trịnh Văn P mức án tù từ 12 đến 15 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự:

Do người bị hại chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Lê Nhật H đã nhận lại tài sản; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Phan Thị Mỹ L không có yêu cầu các bị cáo phải bồi thường nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Hoàng Á đã được gia đình bị cáo Đoàn Văn S phải bồi thường số tiền 2.500.000 đồng và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Người bào chữa cho bị cáo Đoàn Văn S: Thống nhất với tội danh mà bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ đã truy tố đối với bị cáo S và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hết các tình tiết giảm nhẹ hình phạt để xử phạt bị cáo mức án thấp nhất dưới khung hình phạt.

Bị cáo Đoàn Văn S và Trịnh Văn P tại phiên tòa đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, các bị cáo không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ, Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến và khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng số 09/CT-VKS ngày 29/12/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Xét lời khai nhận tội của các bị cáo là phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với biên bản người phạm tội ra đầu thú, với kết luận điều tra, cùng các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Thấy, phù hợp với nhau về thời gian, địa điểm và phương thức thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Do muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên khoảng 16 giờ ngày 26/6/2020 Đoàn Văn S đã lén lút vào nhà của chị Nguyễn Thị H tại khu phố X, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước để lấy 01 cặp lục bình bằng gỗ trắc; 01 con cóc bằng gỗ xá xí; 01 quả cầu bằng đá màu xanh sau đó đem cầm cố cho bà Phan Thị Mỹ Lệ số tiền 900.000 đồng tiêu xài cá nhân. Khoảng 4 giờ 30 phút ngày 20/10/2020 Trịnh Văn P rủ Đoàn Văn S lén lút lấy trộm của anh Nguyễn Lê Nhật H 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro Max 64GB khi anh H đang chơi game tại tiệm internet “King dom 702”, sau đó S đem điện thoại bán cho tiệm điện thoại M do chị Nguyễn Thị Hoàng Á được số tiền 5.500.000 đồng.

Ngày 13/7/2020, Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng Hình sự có bản Kết luận định giá tài sản số 118/KLĐG kết luận: 01 cặp lục bình bằng gỗ trắc trị giá 1.600.000 đồng; 01 con cóc bằng gỗ xá xí trị giá 600.000 đồng; 01 quả cầu bằng đá màu xanh trị giá 150.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 2.350.000 đồng.

Ngày 27/10/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự có bản kết luận định giá tài sản số 178/KLĐG kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro Max 64Gb đã qua sử dụng, còn hoạt động bình thường, trị giá 17.000.000 đồng.

Căn cứ vào hành vi các bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Do tài sản bị cáo Sang chiếm đoạt của anh H, chị H là 19.350.000 đồng và bị cáo P chiếm đoạt của anh H là 17.000.000 đồng nên Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ truy tố các bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Bị cáo S khi phạm tội là người chưa thành niên, nhưng bị cáo hoàn toàn nhận thức được việc lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản để lén lút chiếm đoạt tài sản là hành vi phạm tội nhưng vì mục đích vụ lợi, tiêu xài cá nhân mà bị cáo và bị cáo P vẫn cố tình thực hiện. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của những người bị hại, là khách thể được pháp luật bảo vệ, trước khi phạm tội các bị cáo là các đối tượng nghiện ma túy, thực hiện việc trộm cắp tài sản để phục vụ cho việc sử dụng ma túy. Vì vậy cần thiết phải có mức hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra mới đảm bảo đủ thời gian và tính răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

Xét thấy đây là vụ án đồng phạm giản đơn nhưng cũng cần phân tích vị trí, vai trò của từng bị cáo trong việc cá thể hóa hình phạt:

Đối với bị cáo Đoàn Văn S: Ngoài việc trực tiếp lấy trộm tài sản của chị H thì khi được bị cáo P rủ rê bị cáo đã thực hiện việc lấy trộm tài sản của anh H; bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của anh H trong thời gian đang tại ngoại để khởi tố về hành vi trộm cắp tài sản của chị H, bị cáo đã 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và mỗi lần đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên ngoài việc xem xét giá trị tài sản làm tình tiết định khung bị cáo còn phải chịu thêm tình tiết tăng nặng hình phạt là “*phạm tội 02 lần trở lên*” theo điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy cần thiết phải có mức hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

Đối với bị cáo Trịnh Văn P: Bị cáo là người khởi xướng việc rủ rê bị cáo S lấy trộm tài sản của anh H khi bị cáo S chưa đủ 18 tuổi, do đó bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng hình phạt là “*xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội*” theo điểm o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Xét bị cáo có nhân thân xấu: Ngày 14/6/2013, bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước xử phạt 09 (chín) tháng 06 (sáu) ngày tù về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”. Vì vậy cần thiết phải có mức hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra mới đảm bảo tính răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Các bị cáo được xem xét các tình tiết giảm nhẹ hình phạt trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, sau khi phạm tội các bị cáo đã ra đầu thú; khi phạm tội bị cáo Sang là người chưa thành niên. Do vậy bị cáo P được áp dụng tình tiết giảm nhẹ hình phạt được quy

định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo S được áp dụng tình tiết giảm nhẹ hình phạt được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo không có thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Do người bị hại chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Lê Nhật H đã nhận lại tài sản; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Phan Thị Mỹ L không có yêu cầu các bị cáo phải bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Hoàng A yêu cầu bị cáo Đoàn Văn S phải bồi thường số tiền 2.500.000 đồng, gia đình bị cáo S đã bồi thường xong, chị A không yêu cầu bị cáo S phải bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo S về các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Trịnh Văn P và Đoàn Văn S phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trịnh Văn P 15 (Mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 21/10/2020.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50; Điều 58; Điều 91, Điều 101 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Đoàn Văn S 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 21/10/2020.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Do các bên không ai có yêu cầu bồi thường gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm:

Áp dụng Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo P và S mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*).

5. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo; người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước;
- VKSND Thành phố Đ;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS Thành phố Đ;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước.
- CA Thành phố Đ;
- Phòng PV 06 Công an tỉnh BP;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS-VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

đã ký

Lê Văn An